

KẾ HOẠCH

Triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc;

Thực hiện Văn bản số 1378/BNG-LS ngày 20/4/2020 và văn bản số 2132/BNG-LS ngày 25/6/2020 của Bộ Ngoại giao về việc thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn, trật tự của Liên hợp quốc;

UBND thành phố Hà Nội ban hành kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn Thành phố (Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn, trật tự của Liên hợp quốc (Thỏa thuận GCM) trong thời gian từ 2020 - 2030, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý di cư quốc tế, tạo môi trường di cư minh bạch, dễ tiếp cận, tôn trọng nhân phẩm, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư, đặc biệt là các nhóm đặc thù, phụ nữ và trẻ em.

- Việc triển khai kế hoạch cần bám sát mục đích và yêu cầu của Thỏa thuận GCM, lấy yếu tố con người làm trung tâm, có lồng ghép yếu tố giới và phát triển bền vững; Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cụ thể, triển khai dựa trên các nhiệm vụ trọng tâm tại phần II của Kế hoạch.

- Thiết lập đầu mối, phân công tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định hướng dẫn của Trung ương.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, hướng dẫn triển khai Thỏa thuận GCM và Kế hoạch của Thành phố đảm bảo kịp thời, đầy đủ đến các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; kết hợp lồng ghép việc phổ biến triển khai thực hiện gắn với các chương trình, kế hoạch hoạt động công tác phát triển kinh tế - xã hội của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn Thành phố.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tuyên truyền, phổ biến thông tin về thỏa thuận GCM, các vấn đề di cư quốc tế (rủi ro khi di cư trái phép; nguy cơ mua bán người; thông tin cơ bản về

các hoạt động đưa người đi làm việc ở nước ngoài; chính sách hỗ trợ liên quan...) và đào tạo, nâng cao năng lực.

- Việc tuyên truyền phải có nội dung phù hợp với giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ dân trí, đặc điểm của từng địa phương, lĩnh vực quản lý, có trọng điểm và bằng các hình thức đa dạng.

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của địa phương, đơn vị (hướng dẫn, tư vấn, khuyến cáo, cảnh báo liên quan đến di cư quốc tế; thị trường lao động nước ngoài; chính sách thị thực, quyền của người di cư...)

2. Nâng cao năng lực cán bộ các cấp (nhất là cấp cơ sở), các ngành, các cơ quan, tổ chức tham gia triển khai thực hiện Thỏa thuận GCM nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý di cư, hỗ trợ và bảo vệ người di cư, lưu ý các nhóm đặc thù, phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số.

3. Thu thập thông tin, dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam. Nắm tình hình và đảm bảo công tác an ninh trật tự liên quan đến hoạt động di cư tại địa phương.

- Theo dõi, rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu về di cư quốc tế (lao động, học tập, kết hôn có yếu tố nước ngoài; nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; di cư trái phép, mua bán người; lao động cưỡng bức; người không quốc tịch; người di cư trở về...).

- Nghiên cứu lồng ghép các nội dung liên quan đến di cư trong các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở để bổ sung điều tra về tình trạng di cư (nguyên nhân di cư, ngày xuất cảnh, nhập cảnh gần nhất; quốc gia cư trú trong thời gian 05 năm trước khi diễn ra tổng điều tra dân số và nhà ở...).

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký và hỗ trợ công dân Việt Nam ở nước ngoài (gồm các thông tin cơ bản về công dân).

4. Rà soát chính sách, pháp luật liên quan đến di cư quốc tế để đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến di cư quốc tế để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Thỏa thuận GCM.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch liên quan đến di cư quốc tế đã được phê duyệt.

- Rà soát, hoàn thiện, ban hành đồng bộ các giải pháp, chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình của địa phương (chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội, gắn với việc làm bền vững, bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ, trẻ em gái...) nhằm giảm thiểu các nhân tố dẫn tới di cư trái phép, giúp người dân

có quyết định đúng đắn về di cư, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn diện, bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

5. Thực hiện Kế hoạch lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm giảm thiểu các nhân tố dẫn tới tình trạng di cư trái phép, mua bán người.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Thỏa thuận GCM (tổ chức triển khai các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết; thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực quốc tế; đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế để mở rộng các kênh hợp tác về di cư, nhất là di cư lao động; thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực quốc tế).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý được giao, tổ chức phổ biến tuyên truyền và triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương, đơn vị mình bám sát các nhiệm vụ trọng tâm (nêu tại mục II của Kế hoạch).

1. Sở Ngoại vụ

- Là cơ quan đầu mối phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch của Thành phố định kỳ theo quy định, trình UBND Thành phố để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Ngoại giao theo quy định; Tuyên truyền phổ biến, đăng tải thông tin về di cư trên Cổng thông tin điện tử của Sở Ngoại vụ; Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký và hỗ trợ công dân Việt Nam ở nước ngoài; Rà soát, tham mưu kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến di cư quốc tế theo lĩnh vực quản lý được giao; Phối hợp các Sở của Thành phố xây dựng dữ liệu, thông tin cập nhật về tình hình di cư, chủ trương, chính sách về di cư và các vấn đề nổi lên trong khu vực, trên thế giới có tác động đến tình hình di cư của công dân Việt Nam và người nước ngoài trên địa bàn Thành phố báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Bộ Ngoại giao.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan của Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo Thành ủy, các cơ quan liên quan để tham mưu UBND Thành phố tổ chức phổ biến tuyên truyền và tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực tham gia triển khai về Thỏa thuận GCM cho các cơ quan sở, ban ngành, quận, huyện, thị xã.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo chức năng đến công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam (thuộc địa bàn Hà Nội) di cư ra nước ngoài, đặc biệt đối với lao động di cư, phụ nữ, trẻ em, nạn nhân của mua bán người.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý liên quan tham mưu thực hiện và quản lý hoạt động ký kết thỏa thuận quốc tế nhằm thúc đẩy di cư hợp pháp, an toàn và trật tự, phòng chống di cư trái phép, phòng, chống mua bán người, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người di cư theo quy định.

2. Công an thành phố Hà Nội

- Tham mưu UBND Thành phố hoàn thiện quy định quản lý người nước ngoài sinh sống và làm việc tại thành phố Hà Nội.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất giải pháp phòng, chống mua bán người phù hợp với tình hình thực tiễn, lưu ý vấn đề mua bán người thông qua lao động cưỡng bức trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống di cư trái phép; phòng, chống hoạt động mua bán người.

- Tăng cường quản lý các hoạt động tổ chức đưa người Việt Nam đi lao động tại nước ngoài.

- Thu thập thông tin, dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam. Nắm tình hình và đảm bảo công tác an ninh trật tự liên quan đến hoạt động di cư tại địa phương.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Rà soát, tham mưu kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhằm đáp ứng yêu cầu về tuyển dụng lao động có đạo đức và công bằng, đảm bảo quyền của người lao động di cư, nhất là lao động nữ di cư; Rà soát, tham mưu đề xuất quy định việc thẩm định các hợp đồng lao động phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước tiếp nhận, các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, gia nhập; Nghiên cứu, tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hướng tăng tỷ lệ lao động có tay nghề.

- Rà soát, tham mưu đề xuất hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý lao động di cư ở nước ngoài của thành phố Hà Nội.

- Kiểm tra giám sát hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhằm minh bạch hóa thông tin tuyển dụng, chi phí lao động, cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với lao động di cư, biện pháp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động di cư.

- Rà soát, tham mưu đề xuất các chính sách kinh tế - xã hội: chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội, dạy nghề gắn với việc làm bền vững; chính sách trợ giúp xã hội đối với nhóm đặc thù như lao động di cư, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em... trong suốt quá trình di cư.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các quận, huyện, thị xã phát triển mở rộng hợp tác thúc đẩy các kênh di cư hợp pháp như lao động, học tập tại các nước và vùng lãnh thổ, đảm bảo cơ hội tiếp cận việc làm ổn định cho phụ nữ.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo bình đẳng giới để đáp ứng sự dịch chuyển trong xu hướng ngành nghề và nhu cầu nguồn nhân lực cho Thành phố. Rà soát, củng cố chương trình, cơ chế tài chính, dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp; cung cấp dịch vụ tư vấn việc làm... cho lao động.

- Nghiên cứu, đề xuất ký kết thỏa thuận hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lao động.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí thành phố Hà Nội thực hiện các tin, bài, phóng sự tuyên truyền về Thỏa thuận GCM; tăng cường chuyên trang, chuyên mục về các vấn đề di cư quốc tế.

- Phối hợp với Sở Ngoại vụ tổ chức các sự kiện thông tin, tuyên truyền và xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu và nghiên cứu về thỏa thuận GCM và các vấn đề di cư quốc tế, đảm bảo lồng ghép yếu tố giới và có hình thức phù hợp từng đối tượng nhằm định hướng dư luận tiếp cận đúng về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự (theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu, đề xuất lồng ghép các vấn đề di cư vào các chương trình, chiến lược phát triển của Thành phố, đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội lâu dài và bền vững.

- Phối hợp với Cục Thống kê thành phố Hà Nội nghiên cứu việc lồng ghép các nội dung liên quan đến di cư trong các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở; Nghiên cứu, rà soát, tham mưu UBND Thành phố đẩy mạnh việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; lồng ghép các vấn đề di cư vào Kế hoạch này (theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Sở Tư pháp

- Đẩy mạnh hoạt động đăng ký hộ tịch cho người di cư ở tất cả các giai đoạn di cư; Rà soát, đánh giá tính phù hợp quy định của pháp luật hiện hành trong giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam, đăng ký hộ tịch cho người không quốc tịch tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố; Nghiên cứu, tham mưu kiến nghị các giải pháp hoàn thiện chính sách để hỗ trợ cho người không quốc tịch và con cháu của họ, trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam có thể hòa nhập cộng đồng, đảm bảo cơ hội được học tập, làm việc và phát triển; Nghiên cứu giải pháp tăng cường quản lý các hoạt động kết hôn, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài (theo yêu cầu của Bộ Tư pháp tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

- Rà soát, nghiên cứu, tham mưu đề xuất giải pháp bảo đảm quyền có quốc tịch, quyền đăng ký hộ tịch của trẻ em di cư, trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (địa bàn Hà Nội) để ngăn ngừa nguy cơ trẻ em cư trú trên lãnh thổ Việt Nam bị rơi vào tình trạng không quốc tịch.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu, đề xuất hình thức phù hợp để tăng cường thông tin tuyên truyền về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc cho học sinh các cấp học; Tăng cường quản lý hoạt động đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn Thành phố (theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

8. Sở Y tế

Tham mưu, kiến nghị đề xuất UBND Thành phố hoàn thiện chính sách chăm sóc sức khỏe người di cư nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam (trên địa bàn Thành phố), đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số (theo yêu cầu của Bộ Y tế được quy định tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

9. Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã

- Nghiên cứu lồng ghép thực hiện các vấn đề di cư trọng tâm nêu tại mục II Kế hoạch vào các chương trình, chiến lược kế hoạch phát triển của ngành và địa phương; tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội lâu dài và bền vững đi đôi với giải quyết việc làm tại chỗ; xây dựng, rà soát, củng cố các chương trình, đề án, cơ chế hỗ trợ tài chính, dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm, hỗ trợ người di cư trở về và tái hòa nhập, chăm sóc sức khỏe đảm bảo đáp ứng yêu tố giới và nhu cầu của đối tượng chính sách xã hội... phù hợp với chức năng nhiệm vụ và điều kiện yêu cầu thực tiễn của ngành và địa phương.

10. Các đoàn thể chính trị, xã hội Thành phố

- Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự;

- Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố nghiên cứu, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp giảm tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trong quá trình di cư và các nội dung nhiệm vụ liên quan.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp trình UBND Thành phố, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định, cụ thể như sau:

- Về báo cáo số liệu liên quan đến di cư quốc tế, yêu cầu các cơ quan, đơn vị định kỳ 06 tháng cung cấp cho Sở Ngoại vụ theo biểu mẫu tại Phụ lục 01 của Kế hoạch (ngày nhận báo cáo số liệu 06 tháng đầu năm: Trước ngày 30/6 của năm báo cáo; ngày nhận báo cáo số liệu 06 tháng cuối năm: trước ngày 30/12 của năm báo cáo).

- Về báo cáo việc thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị định kỳ báo cáo trước ngày 30/10 hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục 2).

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị UBND Thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ) để kịp thời điều chỉnh theo quy định. /

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- UBNNVNNONN - Bộ Ngoại giao;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội TP;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- KGVX, NC, ĐT, KT, TKBT, HCTC, QTTV;
- Lưu: VT, KGVX

253.72-14



Nguyễn Đức Chung



PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 152 /KH-UBND ngày 24 / 7/2020 của UBND Thành phố Hà Nội)

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU DI CƯ QUỐC TẾ

Kỳ báo cáo: 6 tháng

Cơ quan báo cáo: Sở Ngoại vụ Thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: Người

A	Số liệu thống kê di cư quốc tế của công dân Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội	Tổng số	Trong đó:		
			Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác
I	Số liệu công dân Việt Nam di cư hợp pháp trên địa bàn Thành phố				
1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng*				
	<i>Chia theo trình độ chuyên môn</i>				
	<i>Phổ thông (không qua đào tạo nghề)</i>				
	<i>Qua đào tạo nghề</i>				
	<i>Cao đẳng, Đại học trở lên</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi (15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi)</i>				
	<i>15-19 tuổi</i>				
	<i>20-24 tuổi</i>				
	<i>...</i>				
	<i>55-59 tuổi</i>				
	<i>60-64 tuổi</i>				
	<i>65+ tuổi</i>				
	<i>Chia theo lĩnh vực ngành, nghề</i>				
	<i>Chia theo mức lương (dưới 500 USD/tháng; 500-1.000 USD/tháng; trên 1.000 USD/tháng)</i>				
	<i>Dưới 500 USD/tháng</i>				
	<i>500-1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Trên 1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Chia theo thời gian làm việc theo hợp đồng (dưới 1 năm; 1-3 năm; 3-5 năm, trên 5 năm)</i>				
	<i>Dưới 1 năm</i>				
	<i>1-3 năm</i>				
	<i>3-5 năm</i>				
	<i>Trên 5 năm</i>				

2	Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức khác				
	<i>Lao động tự do</i>				
	<i>Lao động theo các hình thức khác</i>				
	<i>Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.1</i>				
3	Lưu học sinh học bổng**				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>				
	<i>Đại học</i>				
	<i>Cao đẳng</i>				
	<i>Trung học phổ thông</i>				
	<i>Trung học cơ sở</i>				
	<i>Thực tập sinh</i>				
	<i>Bồi dưỡng</i>				
	<i>Khác</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
4	Lưu học sinh tự túc**				
	<i>Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.3</i>				
5	Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài				
	<i>Chia theo quốc gia (người nước ngoài mang quốc tịch)</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
6	Công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế				
	<i>Chia theo thỏa thuận, hiệp định hợp tác giữa Việt Nam với các nước và cùng lãnh thổ về nuôi con nuôi</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7	Số liệu công dân Việt Nam di cư trở về				
7.1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước*				
	<i>Chia theo trình độ chuyên môn(thống kê như mục I.1)</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi (thống kê như mục I.1)</i>				
	<i>Chia theo lĩnh vực ngành, nghề</i>				
	<i>Chia theo mức lương (thống kê như mục I.1)</i>				
<i>Chia theo nguyên nhân di cư trở về</i>					

7.2	Công dân Việt Nam kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài về nước				
7.2.1	Lưu học sinh học bổng				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục I.3)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.2.2	Lưu học sinh tự túc				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục I.3)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7.3	Công dân Việt Nam di cư trở về thuộc các nhóm đối tượng khác				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
8	Số liệu công dân xuất cảnh				
	<i>Xuất cảnh qua đường bộ</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường hàng không</i>				
	<i>Xuất cảnh qua đường biển</i>				
II	Số liệu công dân Việt Nam di cư trái phép và bị mua bán ra nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội				
1	Công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép				
	<i>Chia theo hình thức xuất cảnh: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>				
	<i>Chia theo phương thức di cư trái phép: sử dụng giấy tờ nhân thân giả mạo, thị thực giả mạo...</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi xuất cảnh</i>				
	<i>Chia theo quốc gia đến</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài*</i>				
2	Công dân Việt Nam lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
3	Công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài*				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo nước bị mua bán ra nước ngoài</i>				

	<i>Chia theo hành vi mua bán người</i>				
4	Số liệu công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ*				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú</i>				
	<i>Chia theo các dịch vụ hỗ trợ theo quy định (hỗ trợ thiết yếu ban đầu, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, vay vốn sản xuất, trợ cấp khó khăn ban đầu, số tiền được vay)</i>				
	<i>Chia theo trình độ học vấn, nghề nghiệp</i>				
	<i>Chia theo cơ sở hỗ trợ nạn nhân/cơ sở bảo trợ xã hội</i>				
B	Số liệu người nước ngoài di cư vào Việt Nam thuộc địa bàn thành phố Hà Nội	Tổng số	Trong đó: Nữ	Ghi chú	
I	Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt Nam				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo ngành nghề</i>				
	<i>Chia theo vị trí công việc</i>				
II	Người nước ngoài học tập tại Việt Nam thuộc địa bàn thành phố Hà Nội***				
	1 Lưu học sinh theo hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>				
	<i>Đại học</i>				
	<i>Cao đẳng</i>				
	<i>Trung cấp</i>				
	<i>Phổ thông</i>				
	<i>Dự bị tiếng Việt</i>				
	<i>Thực tập</i>				
	<i>Khác</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
2	Lưu học sinh ngoài hiệp định				
	<i>Chia theo quốc tịch</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục II.1)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
III	Người nước ngoài cư trú tại Hà Nội ngoài mục đích làm việc, học tập nêu tại mục I và II				

	<i>Chia theo mục đích</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
III	Người nước ngoài di cư trái phép vào Hà Nội			
1	Người nước ngoài nhập cảnh trái phép			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo mục đích</i>			
	<i>Chia theo hình thức nhập cảnh trái phép: qua đường bộ, đường hàng không, đường biển</i>			
2	Người nước ngoài cư trú, lao động trái phép			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			

Lưu ý: Hình thức báo cáo: lập thành văn bản và tệp dữ liệu điện tử định dạng bảng tính Excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12; gửi vào địa chỉ email: vanthu_songv@hanoi.gov.vn và dicuquocte@gmail.com.

Kỳ hạn báo cáo 6 tháng tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6; ngày gửi báo cáo chậm nhất là **trước ngày 15/7 hàng năm**.

Kỳ hạn báo cáo 6 tháng cuối năm tính từ ngày 01/07 đến ngày 31/12; ngày gửi báo cáo chậm nhất là **trước ngày 15/01 năm sau**.

Chia theo nhóm tuổi: Đối với lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng, thống kê theo Thông tư số 15/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 18/9/2019: 15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi; Đối với các loại hình di cư khác, nhìn chung được chia theo các nhóm như sau: dưới 16 tuổi; 16-18 tuổi; 18-24 tuổi; 25-40 tuổi; 40-60 tuổi; trên 60 tuổi.

Chú thích:

(*): Xem Thông tư số 15/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 18/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Chế độ báo cáo thống kê Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

(**): **Lưu học sinh học bổng** là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài từ Ngân sách Nhà nước, học bổng trong khuôn khổ hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, hoặc tổ chức quốc tế, học bổng do chính phủ nước ngoài, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam.

Lưu học sinh tự túc là công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài bằng kinh phí không phải từ nguồn kinh phí như lưu học sinh học bổng.

Xem Thông tư số 34/2017/TT-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/BGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(***): Xem Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.



PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 152 /KH-UBND ngày 24 /7/2020 của UBND thành phố Hà Nội)

Hướng dẫn Đề cương báo cáo việc thực hiện Kế hoạch

I. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện

1. Tình hình

- Cung cấp số liệu công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài tính đến ngày 01/11 hàng năm (theo biểu mẫu thống kê tại Phụ lục 1); đánh giá xu hướng di cư của công dân tại địa phương.

- Cung cấp số liệu người nước ngoài tại Hà Nội; Nêu những vấn đề nổi cộm.

2. Kết quả triển khai thực hiện

2.1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: Nêu thời gian, cấp độ triển khai, số buổi, số lượng người tham gia.

2.2. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Việc ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg: Nêu tên văn bản, trích yếu nội dung, thời gian ban hành văn bản.

2.3. Công tác triển khai Chỉ thị 1737/CT-TTg theo các nhiệm vụ trọng tâm tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg.

II. Đánh giá, kiến nghị

1. Thuận lợi; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2. Kiến nghị (nếu có).

Lưu ý: Báo cáo việc triển khai Kế hoạch định kỳ gửi trước ngày 01/11 hàng năm để Sở Ngoại vụ tổng hợp, trình UBND Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.